

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐQT ngày 02/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty CP Thủy điện Nước Trong;

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2020.
2. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020.
3. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.
4. Kết quả SXKD và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.
- *Kết quả SXKD năm 2020.*

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020
1	Doanh thu	Triệu đồng	77.243,26	103.502,18
2	Chi phí	Triệu đồng	57.685,56	63.540,91
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	19.557,70	39.961,27
4	Thuế TNDN	Triệu đồng	985,39	1.426,48
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	18.572,32	38.534,79

- *Phương án phân phối Lợi nhuận năm 2020.*

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Phân phối lợi nhuận
1	Lợi nhuận sau thuế để lại lũy kế năm trước chuyển sang	Triệu đồng	7.344,95
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	Triệu đồng	38.534,79
3	Trích lập các quỹ 10% trên LNST năm 2020 $\{(3)=(2)*10\}$	Triệu đồng	3.853,48
	<i>Trong đó:</i>		
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi $(5\%*LNST)$	Triệu đồng	1.926,74
	- Quỹ đầu tư phát triển $(5\%*LNST)$	Triệu đồng	1.926,74
4	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau trích quỹ $\{(4)=(1)+(2)-(3)\}$	Triệu đồng	42.026,26
5	Thưởng vượt kế hoạch LNST cho HĐQT, BKS và Ban điều hành Công ty $(6,312\% * LNST \text{ vượt Kế hoạch})$	Triệu đồng	1.260,00
6	Tỷ lệ cổ tức / mệnh giá cổ phần		27%
7	Số tiền cổ tức của năm 2020 chi trả bằng tiền	Triệu đồng	29.165,54
8	Lợi nhuận sau thuế để lại lũy kế $\{(8)=(4)-(5)-(7)\}$	Triệu đồng	11.600,72

Giao cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn thời gian thích hợp để thanh toán cổ tức cho cổ đông.

5. Kế hoạch SXKD và Kế hoạch phân phối Lợi nhuận năm 2021.

- Kế hoạch SXKD năm 2021.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021
1	Doanh thu	Triệu đồng	87.081,52
2	Chi phí	Triệu đồng	59.103,25
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	27.988,28
4	Thuế TNDN	Triệu đồng	1.409,41
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	26.578,86

- Kế hoạch phân phối Lợi nhuận năm 2021.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Phân phối lợi nhuận
1	Lợi nhuận sau thuế để lại lũy kế năm trước chuyển sang	Triệu đồng	11.600,72
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	Triệu đồng	26.578,86
3	Trích lập các quỹ 10% trên LNST năm 2021 $\{(3)=(2)*10\}$	Triệu đồng	2.657,89
	Trong đó:		
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi $(5\%*LNST)$	Triệu đồng	1.328,94
	- Quỹ đầu tư phát triển $(5\%*LNST)$	Triệu đồng	1.328,94
4	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau trích quỹ $\{(4)=(1)+(2)-(3)\}$	Triệu đồng	35.521,70
5	Tỷ lệ cổ tức / mệnh giá cổ phần		27%
6	Số tiền cổ tức của năm 2021 chi trả bằng tiền	Triệu đồng	29.165,54
7	Lợi nhuận sau thuế để lại lũy kế $\{(7)=(4)-(6)\}$	Triệu đồng	6.356,15

Trường hợp năm 2021 lợi nhuận sau thuế vượt hơn so với kế hoạch, thống nhất thưởng cho HĐQT, BKS và Ban điều hành Công ty với mức trích thưởng tối đa bằng 5% của phần lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch.

Giao cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn thời gian thích hợp để tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

6. Mức Lương chuyên trách/thù lao của HĐQT và BKS năm 2021:

Chức vụ	ĐVT	Mức Lương chuyên trách/thù lao (đồng/người/tháng)	Ghi chú
I- Hội đồng quản trị			
Chủ tịch HĐQT	Đồng	30.000.000	Lương chuyên trách (Người đại diện pháp luật của Công ty)
Thành viên HĐQT	Đồng	8.000.000	

Chức vụ	ĐVT	Mức Lương chuyên trách/thù lao (đồng/người/tháng)	Ghi chú
II- Ban kiểm soát			
Trưởng Ban kiểm soát	Đồng	12.000.000	(Lương chuyên trách)
Thành viên BKS	Đồng	3.000.000	

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN ĐÌNH XUÂN

